

*Số: 71/2021/QĐST-HNGĐ  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn*

*K, ngày 16 tháng 7 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16/6/2021, giữa: Nguyên đơn chị Đỗ Thị B, sinh năm 1985; nơi ĐKKHTT: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Trần Văn T, sinh năm 1980; nơi ĐKKHTT: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTCQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Đỗ Thị B và anh Trần Văn T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị Đỗ Thị B và anh Trần Văn T thỏa thuận giao cả ba con chung là cháu Trần Thị Hương L, sinh ngày 05/01/2007; cháu Trần Trà M, sinh ngày 09/10/2010 và cháu Trần Trí A, sinh ngày 12/02/2012 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, cả ba cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.*

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thị B và anh Trần Văn T thỏa thuận chị B nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002614 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị B đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện K (2);
- CCTHADS huyện K (1);
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**Thẩm phán**

**(Đã ký)**

**Hoàng Ngọc Hưng**